

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 01 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc

Ông Phạm Đức Hoàn

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 80/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nông Thanh D**; sinh năm: 1994; nơi cư trú: **Thôn B, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang**.

- **Bị đơn:** Anh **Lê Văn A**; sinh năm: 1983; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**.

Tại phiên toà vắng mặt chị **D**, anh **A**. Chị **D** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **A** vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Nông Thanh D** trình bày: Chị và anh **Lê Văn A** kết hôn tự nguyện, chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2021, nhưng mãi đến ngày 29/11/2021 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) **xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 05 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ

chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, anh **A** thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị và còn đuổi chị ra khỏi nhà trong đêm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **A**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Lê Hương G**, sinh ngày 06/9/2021. Hiện cháu đang ở với anh **A**. Nếu ly hôn, chị **D** có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **G**. Không yêu cầu anh **A** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **D** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh **Lê Văn A** trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi về chung sống, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 5/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị **D** có quan hệ tình cảm với anh **Đỗ Ngọc T**. Do nghĩ thương con còn nhỏ nên anh đã bỏ qua cho chị **D** để vợ chồng về chung sống cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên sau đó chị **D** không thay đổi mà lại có quan hệ tình cảm với anh **Phạm Thanh D1** là người làm cùng công ty. Lần này, anh có gọi báo cho gia đình chị **D** để dàn xếp, hoà giải nhưng không thành. Từ đó chị **D** bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống để lại con nhỏ cho anh chăm sóc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Lê Hương G**, sinh ngày 06/9/2021. Hiện cháu đang ở với anh **A**. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **G**. Không yêu cầu chị **D** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh **A** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **D** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **A** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị **Nông Thanh D** được ly hôn anh **Lê Văn A**. Giao cháu **Lê Hương G**, sinh ngày 06/9/2021 cho chị **D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **A** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Nông Thanh D** khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **Lê Văn A**, nơi cư trú tại **Thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị **Nông Thanh D** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh **Lê Văn A** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh **A** vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị **D**, anh **A**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Nông Thanh D** và anh **Lê Văn A** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2021 tại **UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang** và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, nghi ngờ tình cảm của nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Chị **D** cương quyết muốn được ly hôn. Anh **A** không đồng ý ly hôn, tuy nhiên Tòa án đã thông báo nhưng anh **A** không đến tham gia phiên toà, thể hiện anh **A** không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị **D**, anh **A** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **D** được ly hôn anh **A**.

[3] Về con chung: Chị **D** và anh **A** có 01 con chung. Chị **D** và anh **A** đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **G**. Nguyên vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, cháu **G** chưa đủ 03 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cháu được giao cho chị **D** trực tiếp nuôi. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu và phù hợp với quy định pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của chị **D**: giao cháu **G** cho chị **D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị **D**, anh **A** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị **D**, anh **A** không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị **Nông Thanh D** được ly hôn anh **Lê Văn A**.

2. Về con chung: Giao cháu **Lê Hương G**, sinh ngày 06/9/2021 cho chị **D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **A** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **A** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Nông Thanh D** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000700 ngày 30/10/2023. Chị **D** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị **D**, anh **A** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Cẩm Sơn, huyện
Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh